

Số: 1632/QĐ-THVN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng phần vốn góp của Đài THVN
tại Công ty cổ phần dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam**

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM

Căn cứ Nghị định số 47/2025/NĐ-CP ngày 28/2/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Đài Truyền hình Việt Nam;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26/11/2019;

Căn cứ Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp ngày 14/06/2025;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn tài sản doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào Doanh nghiệp và Quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung tại nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của chính phủ và nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/05/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018, Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17/3/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/05/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018, Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ Báo cáo số 04/BC-BCĐTVVTVBroadcom ngày 30/12/2025 của Trưởng Ban chỉ đạo thoái vốn của Đài THVN tại Công ty cổ phần dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam (VTVBroadcom);

Theo đề nghị của Trưởng Ban Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án chuyển nhượng phần vốn góp của Đài Truyền hình Việt Nam (THVN) sở hữu tại Công ty cổ phần dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam như sau:

1. Phần vốn góp chào bán
 - Tên cổ phần: Cổ phần Công ty cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam.
 - Phần vốn góp chào bán: Đài THVN chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp của Đài THVN sở hữu tại VTVBroadcom, tương ứng 20,91% vốn điều lệ của VTVBroadcom mà Đài THVN đang nắm giữ.
2. Giá khởi điểm chuyển nhượng vốn
 - Giá khởi điểm chuyển nhượng vốn là: 11.200 đồng/cổ phần;
 - Mức giá khởi điểm để chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần của Đài sở hữu tại VTVBroadcom là: 7.235.748.800 đồng.



3. Phương thức chuyển nhượng vốn

Phương thức đấu giá công khai thông thường

Trường hợp đấu giá công khai thông thường không thành công, Đài THVN tiếp tục thực hiện chào bán cạnh tranh; trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện phương thức thỏa thuận theo quy định. Trường hợp sau khi thực hiện các phương thức nêu trên mà vẫn không chuyển nhượng hết toàn bộ số vốn cần chuyển nhượng, Đài THVN báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo của các bộ/ngành liên quan.

(Chi tiết Phương án chuyển nhượng phần vốn của Đài THVN tại VTVBroadcom đính kèm Quyết định này).

Thời gian thực hiện: Từ Quý IV/2025 và kết thúc theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng ban Kế hoạch - Tài chính, Trưởng Ban chỉ đạo thoái vốn của Đài THVN tại Công ty cổ phần dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam, Người đại diện vốn của Đài THVN tại VTVBroadcom, Công ty cổ phần dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Đài;
- BCĐTVVTVBroadcom;
- Lưu: VT, KHTC.

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Lê Quyền

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHỨNG KHOÁN VIETINBANK**

Số: 349/2025/CV-VBSE07

V/v: *Phương án chuyển nhượng vốn của VTV
tại VTVBroadcom (lần 2)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 26 tháng 12 năm 2025

Kính gửi: Đài Truyền hình Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank (“VBSE”) xin gửi tới Quý Đài Truyền hình Việt Nam lời chào trân trọng và hợp tác!

Thực hiện Hợp đồng tư vấn chuyển nhượng vốn giữa Đài Truyền hình Việt Nam và Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank về việc chuyển nhượng vốn của Đài Truyền hình Việt Nam tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình – Viễn thông Việt Nam, VBSE đã phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình – Viễn thông Việt Nam xây dựng và lập Phương án về việc chuyển nhượng vốn của Đài Truyền hình Việt Nam và Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình – Viễn thông Việt Nam.

VietinBank Securities kính gửi tới Quý Đài Truyền hình Việt Nam Phương án chuyển nhượng vốn (*Đính kèm công văn này*) để Quý Đài Truyền hình Việt Nam có cơ sở thực hiện các công việc tiếp theo.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Lưu: P. Tư vấn TCDN.

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC *ry*



Phạm Ngọc Hiệp



ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM



PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

CỦA

ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM ĐẦU TƯ TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH – VIỆN THÔNG VIỆT NAM

Tổ chức chào bán cổ phần: ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM

- Địa chỉ : 43 Nguyễn Chí Thanh, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024. 3835 5931 Fax: 024. 3771 4353
- Website : <https://vtv.gov.vn/>

Tổ chức tư vấn: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETINBANK

- Địa chỉ : Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02 – T2 Khu Đoàn Ngoại giao, Phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội
- Điện thoại : 024 3974 1771 Fax: 024 3974 1760
- Website : <https://www.vbse.vn/>

HÀ NỘI - NĂM 2025



**PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN
CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM TẠI CTCP DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH – VIỄN THÔNG VIỆT NAM**

PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN CỦA

ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM

TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH – VIỄN THÔNG VIỆT NAM

- Tên cổ phần : Cổ phần Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình – Viễn thông Việt Nam
- Mệnh giá : 10.000 đồng
- Đối tượng nhận chuyển nhượng : Các tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện theo quy định của Pháp luật hiện hành.
- Tổng số lượng cổ phần chuyển nhượng : 646.049 cổ phần tương đương 6.460.490.000 đồng (theo mệnh giá), chiếm 20,91% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam

TỔ CHỨC THẨM ĐỊNH GIÁ

CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN AASC

Địa chỉ: Số 01, Phố Lê Phụng Hiểu, Phường Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024. 3824 1990

TỔ CHỨC TƯ VẤN PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETINBANK

Trụ sở chính: Tầng 1 đến Tầng 4, Tòa nhà N02 – T2 Khu Đoàn Ngoại giao, Phường Xuân Đình, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024. 3974 1771

Fax: 024. 3974 1760

MỤC LỤC

I.	CÁC KHÁI NIỆM/TỪ VIẾT TẮT.....	4
II.	GIỚI THIỆU VỀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG	5
1.	Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng.....	5
2.	Số lượng cổ phần sở hữu.....	5
III.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ VỐN NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG.....	5
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	5
1.1.	<i>Thông tin chung</i>	5
1.2.	<i>Quá trình hình thành và phát triển</i>	6
1.3.	<i>Ngành nghề kinh doanh</i>	6
2.	Cơ cấu tổ chức và cơ cấu bộ máy quản lý Công ty.....	8
2.1.	<i>Cơ cấu tổ chức</i>	8
2.2.	<i>Cơ cấu bộ máy quản lý công ty</i>	9
3.	Vốn điều lệ và cơ cấu cổ đông.....	14
3.1.	<i>Vốn điều lệ</i>	14
3.2.	<i>Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần trở lên của Công ty tại ngày 30/09/2025</i>	14
4.	Hoạt động kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất	14
4.1.	<i>Tình hình tài chính của Công ty giai đoạn 2023 – 2024</i>	14
4.2.	<i>Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận Công ty giai đoạn 2023 – 2024</i>	16
4.3.	<i>Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận Công ty giai đoạn 2023 – 2024</i>	16
5.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	17
6.	Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....	18
7.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty	20
I.	PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN.....	21
1.	Cơ sở pháp lý	21
2.	Mục đích của việc chuyển nhượng vốn.....	22
3.	Đánh giá tình hình đầu tư vốn, lợi ích thu được và ảnh hưởng của việc chuyển nhượng vốn của Đài Truyền hình Việt Nam tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viện thông Việt Nam	22

PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN
CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM TẠI CTCP DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH – VIÊN THÔNG VIỆT NAM

4.	Triển vọng phát triển ngành, nhu cầu đầu tư vốn của thị trường.....	23
5.	Đề xuất phương án chuyển nhượng vốn.....	24
5.1.	Thông tin chung về cổ phần chuyển nhượng	24
5.2.	Số lượng cổ phần Đài Truyền hình Việt Nam hiện đang nắm giữ tại Công ty.....	24
5.3.	Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng.....	25
5.4.	Số lượng cổ phần Đài Truyền hình Việt Nam sở hữu dự kiến sau khi chuyển nhượng...25	
5.5.	Phương thức chuyển nhượng.....	25
5.6.	Tổ chức thực hiện bán đấu giá.....	29
5.7.	Đối tượng tham gia mua cổ phần.....	31
5.8.	Công bố thông tin về đợt chuyển nhượng vốn.....	32
5.9.	Phương án xử lý số cổ phần không bán được và cuộc bán đấu giá công khai không thành công.....	32
5.10.	Giá khởi điểm chuyển nhượng vốn.....	34
5.11.	Chi phí chuyển nhượng vốn.....	34
5.12.	Dự kiến giá trị thu được khi chuyển nhượng vốn.....	35
5.13.	Thẩm quyền phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn.....	36
6.	Thời gian thực hiện.....	36
7.	Lộ trình chuyển nhượng vốn.....	36
IV.	KHUYẾN CÁO CỦA ĐƠN VỊ TƯ VẤN.....	39
V.	KẾT LUẬN.....	40

I. CÁC KHÁI NIỆM/TỪ VIẾT TẮT

- Chủ sở hữu vốn chuyển nhượng /Đài THVN/VTV : Đài Truyền hình Việt Nam
- Công ty có vốn Nhà nước chuyển nhượng/ Công ty, Doanh nghiệp, VTV Broadcom : Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình – Viễn thông Việt Nam
- CTCP : Công ty Cổ phần
- HNX : Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
- VietinBank Securities/Tổ chức tư vấn : Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank
- BCTC : Báo cáo tài chính
- NĐT : Nhà đầu tư

Những từ ngữ, thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020, Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản luật khác có liên quan.

11/11/2020

II. GIỚI THIỆU VỀ CHỦ SỞ HỮU VỐN CHUYỂN NHƯỢNG

1. Tên chủ sở hữu vốn chuyển nhượng

ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM

- Địa chỉ: 43 Nguyễn Chí Thanh, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội.
- Điện thoại: 024. 3835 5931
- Fax: 024. 3771 4353
- Website: <https://vtv.gov.vn/>

2. Số lượng cổ phần sở hữu

Dài Truyền hình Việt Nam đang sở hữu 646.049 cổ phần tương ứng với giá trị 6.460.490.000 đồng (tính theo mệnh giá), chiếm 20,91% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam.

III. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY CỔ VỐN NHÀ NƯỚC CHUYỂN NHƯỢNG

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Thông tin chung

Tên công ty	: Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam
Tên viết tắt	: VTV BROADCASTCOM ..JSC
Trụ sở chính	: 43 Nguyễn Chí Thanh, Phường Giảng Võ, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	: 024 3795 8181
Giấy ĐKDN	: Số 0104686418 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 15/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/07/2022
Mã số thuế	: 0104686418
Vốn điều lệ	: 30.902.450.000 đồng (Ba mươi tỷ chín trăm lẻ hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn)
Cổ phiếu quỹ	: 0 cổ phiếu
Mệnh giá	: 10.000 đồng
Loại cổ phần	: Cổ phần phổ thông

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Dịch vụ Truyền hình – Viễn Thông Việt Nam được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần số 0104686418 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/07/2022.

Kể từ khi thành lập, Công ty luôn hướng tới những mục tiêu:

- Tham gia xây dựng chiến lược về công nghệ, quy hoạch phát triển của Đài Truyền hình Việt Nam;
- Tổ chức thực hiện ứng dụng tiên bộ về công nghệ truyền hình, triển khai các dịch vụ công nghệ truyền hình trên hạ tầng viễn thông;
- Sản xuất, kinh doanh các thiết bị truyền hình, viễn thông thế hệ mới;
- Cung cấp các dịch vụ tư vấn, tích hợp hệ thống, lập đề án kinh doanh kênh truyền hình và các nội dung số trên hạ tầng truyền hình và viễn thông.
- Nghiên cứu khoa học về lĩnh vực Phát thanh Truyền hình, Viễn thông và CNTT.

Công ty VTV Broadcom hiện có đội ngũ chuyên gia có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực Phát thanh Truyền hình, Viễn thông và CNTT.

Công ty luôn nỗ lực hết sức để trở thành đơn vị tiên phong, chủ đạo trong lĩnh vực tư vấn, cung cấp dịch vụ công nghệ trong ngành truyền hình và viễn thông, thể hiện vai trò của một doanh nghiệp luôn nỗ lực hết mình vì sự phát triển chung của sự nghiệp phát triển ngành truyền hình, vươn mình trở thành một doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong lĩnh vực truyền hình - viễn thông, mở rộng phát triển hợp tác toàn cầu.

1.3. Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
2	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630 (Chính)
3	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
4	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
5	Sửa chữa thiết bị điện và quang học	3313
6	Sửa chữa thiết bị điện	3314

PHƯƠNG ÁN CHUYÊN NHƯỢNG VỐN
CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM TẠI CTCP DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH – VIỆN THÔNG VIỆT NAM

STT	Tên ngành	Mã ngành
7	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
8	Xây dựng nhà các loại	4100
9	Xây dựng công trình công ích	4220
10	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
11	Phá dỡ	4311
12	Lắp đặt hệ thống điện	4321
13	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
14	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
15	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Dịch vụ đại lý hoa hồng.	4610
16	Bán buôn tổng hợp Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn (không lập cơ sở bán buôn) các hàng hoá theo quy định của pháp luật:	4690
17	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán lẻ (không lập cơ sở bán lẻ) các hàng hoá theo quy định của pháp luật	4799
18	Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình Chi tiết: Sản xuất phim (trừ sản xuất băng hình).	5911
19	Hoạt động viễn thông khác Chi tiết: Đại lý dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng (không có hạ tầng mạng, không thiết lập mạng viễn thông)	6190
20	Lập trình máy vi tính	6201
21	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202

STT	Tên ngành	Mã ngành
22	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
23	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan Chi tiết: Dịch vụ xử lý dữ liệu; Dịch vụ cơ sở dữ liệu; Các dịch vụ máy tính khác	6311
24	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc di thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
25	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động tư vấn kỹ thuật	7110
26	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật Chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu và phát triển thử nghiệm về tư vấn kỹ thuật và công nghệ.	7210
27	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
28	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận Chi tiết: Dịch vụ nghiên cứu thị trường	7320
29	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Thực hiện quyền nhập khẩu các hàng hoá theo quy định của pháp luật;	8299
30	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511

(Nguồn: Công thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp)

2. Cơ cấu tổ chức và cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

2.1. Cơ cấu tổ chức

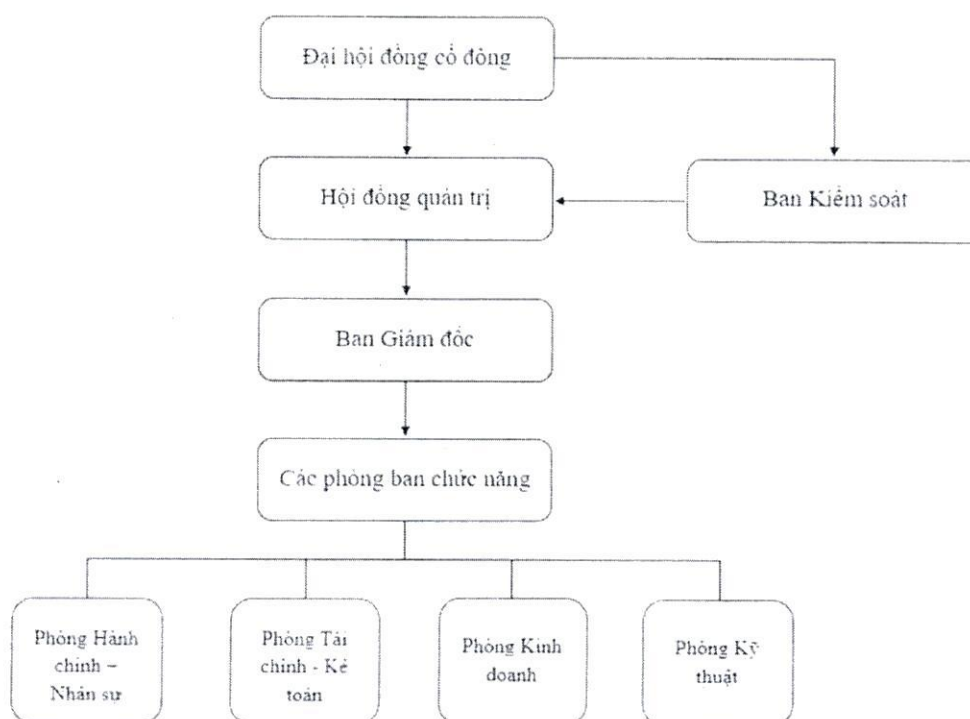
Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông
- Hội đồng quản trị

- Ban Kiểm soát
- Tổng Giám đốc

2.2. Cơ cấu bộ máy quản lý công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam thiết lập cơ cấu tổ chức phù hợp với tình hình đặc điểm kinh doanh theo mô hình Công ty cổ phần như sau:



(Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình – Viễn thông Việt Nam)

❖ Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được sự chấp thuận của Cơ quan đăng ký kinh doanh.

Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- Báo cáo của Ban kiểm soát;

- Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:

- Thông qua các báo cáo tài chính năm;
- Mức cổ tức thanh toán hằng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;
- Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;
- Lựa chọn công ty kiểm toán;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
- Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập (không phải nhà đầu tư chiến lược) trong vòng ba năm đầu tiên kể từ ngày thành lập, chuyển nhượng cổ phần của nhà đầu tư chiến lược trong vòng 5 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất kiểm toán;
- Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
- Quyết định các hợp đồng và giao dịch với những người được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính được kiểm toán gần nhất của Công ty;
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ và các quy chế khác của Công ty.

❖ **Hội đồng quản trị**

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ

không hạn chế.

Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

- Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hằng năm;
- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Tổng Giám đốc và quyết định mức lương của họ;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với cán bộ quản lý đó;
- Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
- Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý khác, người đại diện của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
- Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng Giám đốc;
- Đề xuất mức cổ tức hằng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;
- Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty.

❖ Ban Kiểm soát

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá (05) năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan.
- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán.
- Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết.
- Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý.
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc.
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty.
- Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận.
- Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.

❖ **Tổng Giám đốc**

Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong số họ hoặc thuê người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.

Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc là không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

- Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất.

VI
ET
IN
B
AN
K
H
A
N
H
T
H
V
T
H
V
T
H
N

**PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN
CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM TẠI CTCP DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH – VIỄN THÔNG VIỆT NAM**

- Kiến nghị số lượng và các loại cán bộ quản lý mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của cán bộ quản lý.
- Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ.
- Trước ngày 15 tháng 12 hàng năm, Tổng Giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm.
- Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty.
- Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.
- Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng Giám đốc và pháp luật.

STT	HỌ VÀ TÊN	CHỨC VỤ
1	Ông: Trần Nam Trung	Tổng Giám đốc

❖ **Các phòng ban của Công ty**

Các phòng, ban của Công ty gồm: Phòng Hành chính – Nhân sự, Phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Kinh doanh, Phòng Kỹ thuật.

⚡ **Phòng Hành chính – Nhân sự**

- Tuyển dụng, đào tạo và phát triển nhân sự;
- Quản lý hồ sơ nhân viên, chế độ BHXH, phúc lợi;
- Quản lý văn thư, lưu trữ, hành chính nội bộ.

⚡ **Phòng Tài chính – Kế toán**

- Quản lý thu chi, dòng tiền và ngân sách;
- Lập báo cáo tài chính định kỳ, báo cáo thuế;
- Kiểm soát chi phí, thanh toán và công nợ.

± **Phòng Kinh doanh**

- Lập kế hoạch và triển khai hoạt động kinh doanh;
- Tìm kiếm, duy trì và phát triển quan hệ khách hàng;
- Xây dựng chiến lược giá, chương trình khuyến mại;
- Phối hợp với phòng kỹ thuật để đảm bảo chất lượng dịch vụ/sản phẩm.

± **Phòng Kỹ thuật**

- Quản lý vận hành kỹ thuật, hệ thống thiết bị và cơ sở hạ tầng;
- Thực hiện bảo trì, sửa chữa và nâng cấp hệ thống;
- Hỗ trợ các phòng ban khác về mặt kỹ thuật;
- Đảm bảo hoạt động công nghệ thông tin và sản xuất được liên tục và ổn định.

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình – Viễn thông Việt Nam)

3. **Vốn điều lệ và cơ cấu cổ đông**

3.1. **Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam căn cứ theo Giấy chứng nhận ĐKDN số 0104686418 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 15/06/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 05/07/2022 là: 30.902.450.000 đồng (Ba mươi tỷ chín trăm lẻ hai triệu bốn trăm năm mươi triệu đồng). Vốn điều lệ thực góp đến 30/09/2025 là: 30.902.450.000 đồng (Ba mươi tỷ chín trăm lẻ hai triệu bốn trăm năm mươi triệu đồng)

3.2. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% cổ phần trở lên của Công ty tại ngày 30/09/2025**

STT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ (CP)	Giá trị cổ phần nắm giữ tính theo mệnh giá (đồng)	Tỷ trọng/Vốn Điều lệ (%)
1	Đài truyền hình Việt Nam	646.049	6.460.490.000	20,91%
2	Các cổ đông khác	2.444.196	24.441.960.000	79,09%
	Tổng cộng	3.090.245	30.902.450.000	100,00%

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình – Viễn thông Việt Nam)

4. **Hoạt động kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất**

4.1. **Tình hình tài chính của Công ty giai đoạn 2023 – 2024**

Bảng 1: Tình hình tài chính của Công ty giai đoạn 2023 – 2024

PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN
CỦA DÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM TẠI CTCP DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH – VIÊN THÔNG VIỆT NAM

Đơn vị tính: Triệu Đồng

TT	Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024	(%) Tăng/giảm
		(1)	(2)	(3) = $\frac{(2)-(1)}{(1)} \times 100\%$
I	Tổng giá trị tài sản	41.804	41.739	(0,15%)
1	Tài sản ngắn hạn	6.143	5.849	(4,78%)
-	Tiền và các khoản tương đương tiền	92	28	(69,33%)
-	Các khoản phải thu ngắn hạn	3.717	3.460	(6,93%)
-	Hàng tồn kho	1.087	1.087	0,00%
-	Tài sản ngắn hạn khác	1.247	1.275	2,22%
2	Tài sản dài hạn	35.661	35.890	0,64%
-	Tài sản cố định	2.392	2.392	0,00%
-	Tài sản dở dang dài hạn	2.782	3.012	8,27%
-	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	30.485	30.485	0,00%
-	Tài sản dài hạn khác	1	-	(100,00%)
II	Tổng cộng nguồn vốn	41.804	41.739	(0,15%)
1	Nợ phải trả	22.027	22.334	1,40%
-	Nợ ngắn hạn	22.027	22.334	1,40%
-	Nợ dài hạn	0	0	-
2	Nguồn vốn chủ sở hữu	19.777	19.405	(1,88%)

PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN
CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM TẠI CTCP DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH – VIỄN THÔNG VIỆT NAM

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	(%) Tăng/giảm
		(1)	(2)	(3) = $\frac{[(2)-(1)] \times 100\%}{(1)}$
-	Vốn chủ sở hữu	19.777	19.405	(1.88%)

(Nguồn: BCTC năm 2023 kiểm toán và BCTC năm 2024 của Công ty)

4.2. Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận Công ty giai đoạn 2023 – 2024

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty giai đoạn 2023 – 2024

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	(%) Tăng/giảm
	(1)	(2)	(3) = $\frac{[(2)-(1)] \times 100\%}{(1)}$
Doanh thu thuần	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(4.623)	(371)	-
Lợi nhuận khác	(9)	(1)	-
Lợi nhuận trước thuế	(4.632)	(372)	-
Lợi nhuận sau thuế	(4.632)	(372)	-

(Nguồn: BCTC năm 2023 kiểm toán và BCTC năm 2024 của Công ty)

4.3. Cơ cấu doanh thu thuần và lợi nhuận Công ty giai đoạn 2023 – 2024

Bảng 3. Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong 2 năm gần nhất

Đơn vị tính: Triệu Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	(%) Tăng/giảm
	(1)	(2)	(3) = $\frac{[(2)-(1)] \times 100\%}{(1)}$
Tổng giá trị tài sản	41.804	41.739	(0.15%)

PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN
CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM TẠI CTCP DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH – VIỄN THÔNG VIỆT NAM

Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024	(%) Tăng/giảm
	(1)	(2)	(3) = $\frac{[(2)-(1)] \times 100\%}{(1)}$
Doanh thu thuần	-	-	-
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(4.623)	(371)	-
Lợi nhuận khác	(9)	(1)	-
Lợi nhuận trước thuế	(4.632)	(372)	-
Lợi nhuận sau thuế	(4.632)	(372)	-

(Nguồn: BCTC năm 2023 kiểm toán và BCTC năm 2024 của Công ty)

5. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chi tiêu	Năm 2023	Năm 2024
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (lần) (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	0,28	0,26
+ Hệ số thanh toán nhanh (lần) (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	0,23	0,21
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ (Nợ phải trả)/Tổng tài sản (%)	52,69%	53,51%
+ Hệ số Nợ (Nợ phải trả)/Vốn chủ sở hữu (%)	47,31%	46,49%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho (vòng) (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	-	-
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (lần)	-	-

PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN
CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM TẠI CTCP DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH – VIỆN THÔNG VIỆT NAM

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (%)	-	-
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân (%)	(0,21)	(0,02)
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (%)	(0,10)	(0,01)
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (%)	-	-
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn cổ phần (%)	(0,15)	(0,01)

(Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC năm 2023 và 2024 đã được kiểm toán của Công ty

6. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

Chỉ tiêu	Thực hiện Năm 2024	Kế hoạch Năm 2025	
	Giá trị	Giá trị	% tăng/giảm
	(1)	(2)	(3) = $\frac{[(2)-(1)] \times 100\%}{(1)}$
Doanh thu thuần (triệu đồng)	-	(400)	-
Lợi nhuận sau thuế (triệu đồng)	(4.632)	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-	-	-
Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu	(1,92%)	-	-
Cổ tức	0%	0%	-

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình – Viện thông Việt Nam)

❖ Căn cứ đạt được kế hoạch lợi nhuận nêu trên

**PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN
CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM TẠI CTCP DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH – VIỄN THÔNG VIỆT NAM**

- Môi trường chính sách: Nhà nước tiếp tục khuyến khích chuyển đổi số trong lĩnh vực truyền thông, nội dung và viễn thông.
- Công nghệ: AI, dữ liệu lớn, thực tế ảo (VR/AR), và công nghệ 5G sẽ được thương mại hoá rộng rãi, tạo điều kiện tích hợp truyền hình – nội dung – viễn thông.
- Đối tác chiến lược: Duy trì mối quan hệ hợp tác với VTV, các nhà mạng lớn (VNPT, Viettel) và các đơn vị sản xuất nội dung.
- Nguồn lực công ty: Có đội ngũ kỹ thuật, nội dung và quản trị bản quyền đủ năng lực để triển khai dự án mới.
- Rủi ro tiềm ẩn: Cạnh tranh về bản quyền nội dung quốc tế, biến động thị hiếu người xem, và tốc độ thay đổi công nghệ.

❖ ***Định hướng kế hoạch***

1. Dự án: Hợp tác với VTV cải tiến các kênh truyền hình

- Mục tiêu: Nâng cao chất lượng và tỷ lệ người xem của các kênh truyền hình quốc gia, tăng doanh thu quảng cáo và bản quyền.
- Nội dung: Đồng phát triển định dạng chương trình mới theo hướng dữ liệu hoá (data-driven content).
- Ứng dụng AI trong cá nhân hoá nội dung và khung phát sóng.
- Tích hợp quảng cáo theo hành vi người xem.
- Kỳ vọng: Tăng 25-30% lượng khán giả mục tiêu; mở rộng doanh thu quảng cáo trung bình 20%/năm.

2. Dự án: Kinh doanh Character-centric và thương mại hoá vật phẩm

- Mục tiêu: Xây dựng thương hiệu nhân vật Việt Nam có bản quyền, phát triển chuỗi sản phẩm truyền thông – giải trí – thương mại.
- Nội dung: Sản xuất và phát triển IP nhân vật gốc (truyện, phim hoạt hình, nội dung mạng xã hội).
- Xây dựng hệ sinh thái thương mại: vật phẩm, đồ chơi, game, sự kiện, thời trang, nền tảng online.
- Hợp tác cùng đối tác quảng cáo, nhà sản xuất, nhà phát hành game.
- Kỳ vọng: Đến năm 2029, Character Business chiếm 25-30% tổng doanh thu.

3. Dự án: Số hoá lưu trữ

- Mục tiêu: Chuẩn hoá, số hoá toàn bộ kho dữ liệu truyền hình, xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ khai thác bản quyền.

- Nội dung: Số hoá video, metadata, bản quyền, dữ liệu phát sóng.
- Ứng dụng công nghệ quản lý dữ liệu DAM (Digital Asset Management).
- Cho phép khai thác thương mại (bán lại, nghiên cứu, phân tích).
- Kỳ vọng: Hình thành “Thư viện số Truyền hình Việt Nam”, tối ưu chi phí lưu trữ và tăng doanh thu bản quyền.

4. Dự án: Kênh thể thao điện tử (E-Sport Channel)

- Mục tiêu: Xây dựng kênh truyền hình chuyên biệt về thể thao điện tử, kết hợp phát sóng – tương tác – thương mại nội dung.
- Nội dung: Tổ chức giải đấu, bản quyền phát sóng, talkshow e-sport.
- Phát triển nền tảng streaming riêng, tích hợp bình luận viên ảo (AI).
- Kết nối các thương hiệu tài trợ và cộng đồng người chơi.
- Kỳ vọng: Thu hút nhóm khác giả trẻ (Gen Z), mở rộng kênh doanh thu quảng cáo và tài trợ.

7. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của Công ty

Không có.

I. PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

1. Cơ sở pháp lý

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn Luật Doanh nghiệp;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Luật quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp số 68/2025/QH15 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/06/2025;
- Nghị quyết số 253/NQ-CP ngày 26/08/2025 của Chính phủ về việc công bố các Nghị định của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp (Luật số 69/2014/QH13) tiếp tục có hiệu lực;
- Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào Doanh nghiệp và Quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại Doanh nghiệp;
- Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn Nhà nước vào Doanh nghiệp và Quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại Doanh nghiệp;
- Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;
- Nghị định số 167/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp đã được sửa đổi, bổ sung tại nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của chính phủ và nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của chính phủ;
- Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/05/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày

08/03/2018, Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ.

- Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17/03/2023 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/05/2021 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về đầu tư vốn Nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015, Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018, Nghị định số 121/2020/NĐ-CP ngày 09/10/2020 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ;
- Căn cứ quyết định 1479/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2022 về “Phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025”;
- Chứng thư Thẩm định giá số 014/2025/0912.002.KT7 ngày 09/12/2025 do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC ban hành;
- Các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Mục đích của việc chuyển nhượng vốn

Thực hiện kế hoạch sắp xếp lại Doanh nghiệp có vốn nhà nước theo Quyết định 1479/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2022 về việc “Phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025”. Theo đó, Đài Truyền hình Việt Nam sẽ thực hiện chuyển nhượng 646.049 cổ phần tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình – Viễn thông Việt Nam.

Việc chuyển nhượng vốn của Đài Truyền hình Việt Nam tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình – Viễn thông Việt Nam sẽ giúp Đài Truyền hình Việt Nam thu hồi vốn đầu tư của tại VTVBroadcom ở mức tối đa, sử dụng nguồn vốn thu hồi cho hoạt động khác của VTV.

Như vậy việc chuyển nhượng phần vốn do VTV đầu tư tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình – Viễn thông Việt Nam là phù hợp với định hướng và chủ trương của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Việc chuyển nhượng vốn của VTV tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình – Viễn thông Việt Nam chỉ làm thay đổi cơ cấu cổ đông hoặc tỷ lệ sở hữu trong cơ cấu cổ đông, không làm thay đổi vốn điều lệ đã đăng ký của Công ty.

3. Đánh giá tình hình đầu tư vốn, lợi ích thu được và ảnh hưởng của việc chuyển nhượng vốn của Đài Truyền hình Việt Nam tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam

3.1. Tình hình đầu tư vốn

Hiện tại, Đài Truyền hình Việt Nam đang sở hữu 646.049 cổ phần tương ứng với giá trị 6.460.490.000 đồng (tương đương 20,91% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam). Từ năm 2019 đến 2024, Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn

thông Việt Nam không trả cổ tức cho Đài Truyền hình Việt Nam.

3.2. Lợi ích thu được từ việc chuyển nhượng vốn

Việc chuyển nhượng vốn của Đài Truyền hình Việt Nam tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam nhằm mục tiêu bảo toàn phần vốn góp của Nhà nước và mang lại các lợi ích cụ thể sau:

- Đảm bảo nguyên tắc bảo toàn vốn đầu tư: Việc chuyển nhượng giúp Đài Truyền hình Việt Nam hiện thực hóa giá trị khoản đầu tư, thu hồi vốn về cho Nhà nước dựa trên giá trị thực tế của doanh nghiệp và cơ chế giá thị trường, hạn chế tối đa rủi ro suy giảm giá trị vốn trong tương lai. Giá trị thu hồi tạm tính theo Chứng thư Thẩm định giá số 014/2025/0912.002.KT7 ngày 09/12/2025 là: 11.200 đồng.
- Tái cơ cấu để phát triển doanh nghiệp: Việc chuyển nhượng phần vốn sở hữu của Đài Truyền hình Việt Nam tạo cơ hội thay đổi cơ cấu cổ đông, thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực tài chính, năng lực quản trị và kinh nghiệm tham gia điều hành; qua đó tạo động lực mới thúc đẩy sự phát triển của Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam.

3.3. Ảnh hưởng của việc chuyển nhượng vốn

Việc chuyển nhượng 20,91% phần vốn sở hữu của Đài Truyền hình Việt Nam tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam là giao dịch giữa Đài Truyền hình Việt Nam với Nhà đầu tư mua cổ phần mà không ảnh hưởng trực tiếp tới nguồn vốn, tình hình tài chính và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam.

4. Triển vọng phát triển ngành, nhu cầu đầu tư vốn của thị trường

4.1. Triển vọng ngành

- Thị trường truyền hình – nội dung số Việt Nam
 - + Quy mô thị trường OTT và IPTV dự kiến đạt 2.5 – 3 tỷ USD vào năm 2029, với tốc độ tăng trưởng bình quân 15–18%/năm.
 - + Người dùng có xu hướng dịch chuyển từ truyền hình truyền thống sang xem nội dung theo yêu cầu (VOD), trải nghiệm cá nhân hoá và đa nền tảng (smart-TV, mobile, social media).
 - + Cạnh tranh tập trung ở các mảng: bản quyền nội dung, nền tảng công nghệ, và khai thác dữ liệu người xem. Ngành truyền hình truyền thống suy giảm, nhưng OTT, livestream, KOL tăng trưởng mạnh.
 - + TV Commerce có thể chiếm 10–15% thương mại điện tử năm 2030.
- Thị trường thương mại hoá nhân vật (Character IP)

- + Mô hình kinh doanh xoay quanh nhân vật (character-centric) đang phát triển mạnh tại châu Á (đặc biệt ở Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung Quốc).
- + Tại Việt Nam, đây là thị trường còn sơ khai nhưng tiềm năng, phù hợp cho doanh nghiệp có năng lực sáng tạo và truyền thông đại chúng.
- + Nguồn doanh thu có thể đến từ: bán quyền hình ảnh, vật phẩm, nội dung số, game, hoạt hình, thời trang và quang cáo liên kết.
- Thị trường thể thao điện tử (E-Sport)
 - + Việt Nam hiện nằm trong Top 5 quốc gia có lượng người chơi game online cao nhất Đông Nam Á, với hơn 30 triệu người tham gia.
 - + E-Sport đang được công nhận là ngành công nghiệp nội dung và thể thao mới, tạo cơ hội lớn cho các kênh truyền hình, nền tảng livestream và quang cáo tài trợ.
- Xu hướng số hoá dữ liệu truyền hình
 - + Các đài truyền hình lớn (VTV, HTV, VTC) đều đang triển khai chuyển đổi sang lưu trữ và khai thác dữ liệu số.
 - + Nhu cầu quản trị, khai thác kho dữ liệu video, âm thanh và metadata phục vụ sản xuất, bản quyền và nghiên cứu là rất lớn.

4.2. Nhu cầu đầu tư vốn của thị trường

Là một doanh nghiệp hoạt động trong một ngành có tiềm năng tăng trưởng dài hạn, đặc biệt khi xu hướng số hoá mạnh mẽ các dịch vụ truyền thông và truyền hình như hiện nay, các cơ quan, doanh nghiệp và cá nhân đang không ngừng thực hiện quá trình công nghệ số. Đó cũng là một thách thức lớn đối với doanh nghiệp. Trong 15 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thiết bị truyền thông và được hình thành với sự tham gia của VTV, Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam đã thực hiện nhiều gói thầu cung cấp thiết bị, hệ thống HD/4K cho các đài, trung tâm truyền hình. Với những lợi thế trên, Công ty dự kiến sẽ nhận được nhiều sự quan tâm tích cực từ các nhà đầu tư tiềm năng trên thị trường.

5. Đề xuất phương án chuyển nhượng vốn

5.1. Thông tin chung về cổ phần chuyển nhượng

- Tên cổ phần: Cổ phần Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Mệnh giá: 10.000 đồng

5.2. Số lượng cổ phần Đài Truyền hình Việt Nam hiện đang nắm giữ tại Công ty

Số lượng cổ phần Đài Truyền hình Việt Nam hiện đang nắm giữ tại Công ty là 646.049 cổ phần tương đương 6.460.490.000 đồng (theo mệnh giá), chiếm 20,91% tổng số lượng cổ phần

đang lưu hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam.

5.3. Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng

Tổng số cổ phần dự kiến chuyển nhượng là 646.049 cổ phần tương đương 6.646.049.000 đồng (theo mệnh giá) chiếm 20,91% tổng số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam.

5.4. Số lượng cổ phần Đài Truyền hình Việt Nam sở hữu dự kiến sau khi chuyển nhượng

Số lượng cổ phần Đài Truyền hình Việt Nam sở hữu dự kiến sau khi chuyển nhượng là 0 cổ phần tương đương 0 đồng, chiếm 0% tổng số lượng cổ phần đang lưu hành của Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam.

5.5. Phương thức chuyển nhượng

5.5.1. Nguyên tắc thực hiện

Theo Khoản 1 Điều 38 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 18 Điều 2 Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020:

“a) Việc chuyển nhượng vốn nhà nước phải theo danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển nhượng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp theo giai đoạn do Thủ tướng Chính phủ ban hành; không phân biệt mức vốn đầu tư, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước lãi, lỗ; việc tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn, lập hồ sơ chuyển nhượng vốn, thực hiện công bố thông tin chuyển nhượng vốn, báo cáo kết quả chuyển nhượng vốn, thủ tục chuyển quyền sở hữu cổ phần và gửi các hồ sơ, báo cáo kết quả chuyển nhượng vốn cho cơ quan quản lý thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần mà điều lệ công ty cổ phần có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp; có cam kết giữa cơ quan đại diện chủ sở hữu với các cổ đông về ưu tiên chuyển nhượng cổ phần (đối với trường hợp cổ đông chỉ được chuyển nhượng cổ phần của mình cho tổ chức, cá nhân là cổ đông hiện hữu của công ty) thì cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp có ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi điều lệ của công ty cổ phần hoặc cơ quan đại diện chủ sở hữu phối hợp với người đại diện vốn thỏa thuận với các cổ đông để sửa đổi cam kết theo hướng cổ đông Nhà nước được tự do chuyển nhượng vốn cho các nhà đầu tư khác (bao gồm cả cổ đông hiện hữu của công ty).

Trường hợp người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã có ý kiến biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông nhưng không được Đại hội đồng cổ đông thông qua hoặc cơ quan đại diện chủ sở hữu đã thỏa thuận nhưng cổ đông không chấp thuận sửa đổi cam kết thì việc chuyển nhượng vốn nhà nước thực hiện theo điều lệ công ty cổ phần và cam kết giữa các cổ đông; việc chuyển nhượng vốn nhà nước cho các cổ đông hiện hữu theo điều lệ và cam kết giữa các cổ đông thực hiện theo nguyên tắc, trình tự các phương thức chuyển nhượng vốn quy định tại Nghị định này.

Khi chuyển đổi doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên dưới hình thức chuyển nhượng một phần vốn nhà nước thì việc chuyển nhượng vốn thực hiện theo trình tự các phương thức chuyển nhượng vốn nhà nước quy định tại Nghị định này.

b) Bảo đảm theo nguyên tắc thị trường, công khai, minh bạch, thu hồi vốn nhà nước đầu tư ở mức cao nhất, hạn chế tối đa tổn thất đầu tư trong chuyển nhượng vốn

h) Cơ quan đại diện chủ sở hữu không phải xây dựng lại phương án chuyển nhượng vốn khi chuyển đổi giữa các phương thức chuyển nhượng theo thứ tự thực hiện theo quy định (đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận)."

Việc chuyển nhượng vốn của Đài Truyền hình Việt Nam đầu tư tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam nằm trong danh mục chuyển nhượng vốn đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Kế hoạch sắp xếp lại Doanh nghiệp Nhà nước. Doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025 ban hành tại Quyết định số 1479/QĐ-TTg ngày 29/11/2022. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam hiện tại không có quy định hạn chế về chuyển nhượng cổ phần đối với tổng số cổ phần mà Đài Truyền hình Việt Nam đang sở hữu tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam, không có cam kết giữa Đài Truyền hình Việt Nam với các cổ đông về ưu tiên chuyển nhượng cổ phần (đối với trường hợp cổ đông chủ được chuyển nhượng cổ phần của mình cho tổ chức, cá nhân là cổ đông hiện hữu của công ty)

5.5.2. Phương thức chuyển nhượng

Căn cứ Khoản 2 Điều 38a Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018:

"2. Việc chuyển nhượng vốn tại công ty cổ phần chưa niêm yết (hoặc đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên thị trường chứng khoán nhưng không thực hiện giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán) theo phương thức đấu giá công khai; trường hợp đấu giá công khai không thành công thì thực hiện chào bán cạnh tranh; trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện theo phương thức thỏa thuận."

Căn cứ Khoản 8 Điều 4 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 1 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 2 Điều 2, Khoản 2 Điều 6 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020:

"8. Đấu giá công khai là phương thức chuyển nhượng vốn đầu tư của nhà nước hoặc của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, bao gồm đấu giá thông thường hoặc đấu giá theo lô

Đấu giá thông thường là cuộc đấu giá trong đó không hạn chế số lượng cổ phần, phần vốn góp đặt mua đối với nhà đầu tư tại cuộc đấu giá chuyển nhượng vốn.

**PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN
CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM TẠI CTCP DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH – VIỄN THÔNG VIỆT NAM**

Đấu giá theo lô là cuộc đấu giá một lô cổ phần/phần vốn và nhà đầu tư tham gia đấu giá phải đặt mua trọn toàn bộ lô cổ phần/phần vốn bán đấu giá. Chủ sở hữu vốn quyết định chia tổng số cổ phần/phần vốn phải chuyển nhượng thành một hoặc nhiều lô để bán đấu giá theo lô”.

Ngoài ra, đối với Phương thức đấu giá công khai theo lô, căn cứ Điểm d Khoản 3 Điều 38a Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018:

“d) Trường hợp đấu giá theo lô:

Các trường hợp đấu giá theo lô, việc lập và gửi hồ sơ, tổ chức thực hiện, xác định kết quả, thanh toán tiền bán cổ phần, chuyển quyền sở hữu cổ phần và báo cáo chuyển nhượng vốn trường hợp đấu giá theo lô khi chuyển nhượng vốn nhà nước, thực hiện tương tự trường hợp đấu giá theo lô để chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước quy định tại điểm d khoản 3 Điều 29a Nghị định này.”

Căn cứ Điểm d Khoản 3 Điều 29a Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 được sửa đổi, bổ sung tại gạch đầu dòng thứ ba, Điểm d Khoản 16 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020:

“d) Trường hợp đấu giá theo lô:

- Các trường hợp đấu giá theo lô để chuyển nhượng vốn:

...

+ Chuyển nhượng hết toàn bộ phần vốn đầu tư đang nắm giữ tại doanh nghiệp trong một lần đấu giá mà nếu thực hiện theo phương thức đấu giá công khai sẽ khó thành công. Phương án chuyển nhượng vốn trong trường hợp này phải phân tích, đánh giá được tính hiệu quả so với phương án bán theo phương thức đấu giá công khai và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

...

- Việc lập và gửi hồ sơ, tổ chức thực hiện, chuyển quyền sở hữu cổ phần và báo cáo chuyển nhượng vốn của trường hợp đấu giá theo lô thực hiện như quy định đối với đấu giá công khai tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 3 Điều này và các quy định sau:

+ Việc xác định kết quả đấu giá thực hiện như sau:

Giá đấu hợp lệ là mức giá không thấp hơn giá khởi điểm theo quy định tại quy chế đấu giá. Giá trúng đấu giá được xác định là mức giá hợp lệ nhà đầu tư đặt mua cao nhất.

Trường hợp có từ hai nhà đầu tư trở lên đặt mức giá cao nhất bằng nhau và không thấp hơn mức giá khởi điểm thì trong vòng tối đa 05 ngày làm việc kể từ ngày tổ chức phiên đấu giá theo lô, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ phối hợp với tổ chức đấu giá thực hiện bỏ phiếu kín trực tiếp giữa các nhà đầu tư cùng trả mức giá này để xác định nhà đầu tư có mức giá đặt mua cao nhất và duy nhất. Mức giá bỏ phiếu kín là mức giá không thấp hơn mức giá đấu

mà các nhà đầu tư đã trả cao nhất bằng nhau theo bước giá quy định tại quy chế đấu giá. Nhà đầu tư có mức giá đặt mua cao nhất khi bỏ phiếu kín là nhà đầu tư trúng giá và sẽ được mua toàn bộ lô cổ phần. Trường hợp khi tổ chức bỏ phiếu kín các nhà đầu tư tiếp tục trả giá bằng nhau thì tổ chức bốc thăm ngay để xác định nhà đầu tư trúng giá.

Trường hợp các nhà đầu tư trả giá cao nhất bằng nhau đều từ chối bỏ phiếu kín hoặc nhà đầu tư đã xác định trúng giá nhưng từ chối mua thì xác định cuộc đấu giá không thành công để thực hiện chuyển sang phương thức chuyển nhượng khác theo quy định.

Căn cứ vào danh mục chuyển nhượng vốn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, giá trị vốn cần chuyển nhượng và tình hình thu trường tại thời điểm xây dựng phương án chuyển nhượng vốn, doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ quyết định việc bán toàn bộ cổ phần hoặc chia tổng số lượng cổ phần của vốn cần chuyển nhượng thành nhiều đợt bán đấu giá theo lô khác nhau.”

Cổ phần Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam là cổ phần chưa niêm yết và cũng chưa đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán. Đài Truyền hình Việt Nam dự kiến sẽ chuyển nhượng vốn cổ phần sở hữu tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam. Như vậy, căn cứ các quy định nêu trên, khi thực hiện chuyển nhượng vốn đầu tư của Đài Truyền hình Việt Nam tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam, cổ phần Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam có thể được chuyển nhượng theo phương thức đấu giá công khai thông thường hoặc phương thức đấu giá công khai theo lô.

Phân tích ưu và nhược điểm của các phương thức chuyển nhượng vốn

Phương thức chuyển nhượng vốn	Đấu giá công khai thông thường	Đấu giá công khai theo lô
Ưu điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo tính công khai, minh bạch và mở rộng đối tượng các nhà đầu tư tham gia; - Trong trường hợp có nhiều nhà đầu tư quan tâm đến đợt đấu giá, số cổ phần chào bán có thể bán hết hoặc tối đa hóa lượng chào bán do không hạn chế khối lượng Nhà đầu tư tham gia và tối ưu hóa giá trị thu về từ đợt chào bán. 	<ul style="list-style-type: none"> - Việc bán đấu giá theo lô có khối lượng lớn có thể thu hút được các nhà đầu tư lớn, dù tiềm lực muốn nhận chuyển nhượng cổ phần để tham gia quản trị và điều hành doanh nghiệp. - Tối đa hóa số lượng cổ phần cần bán do Nhà đầu tư tham dự đấu giá phải đăng ký mua toàn bộ số lượng cổ phần chào bán trong đợt đấu giá.
Nhược điểm	<ul style="list-style-type: none"> - Đài Truyền hình Việt Nam có thể không bán hết số cổ phần thực 	<ul style="list-style-type: none"> - Chỉ hấp dẫn đối với các nhà đầu tư có tiềm lực tài chính mạnh trên thị

**PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN
CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM TẠI CTCP DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH - VIỆN THÔNG VIỆT NAM**

Phương thức chuyển nhượng vốn	Đấu giá công khai thông thường	Đấu giá công khai theo lô
	hiện chuyển nhượng vốn do các nhà đầu tư không đăng ký hết và không thực hiện tham dự đấu giá hết số cổ phần bán đấu giá.	trường và hạn chế các nhà đầu tư tham gia vào đợt chuyển nhượng vốn do giá trị giao dịch chuyển nhượng vốn lớn, dẫn đến rủi ro không tối ưu giá trị thu được từ đợt chào bán. - Phải đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật về thực hiện chuyển nhượng vốn theo lô hoặc vốn chuyển nhượng phải nằm trong danh mục đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Qua xem xét tình hình hoạt động của doanh nghiệp và đánh giá ưu, nhược điểm của các phương thức kể trên, nhằm đảm bảo hài hòa lợi ích của Đài Truyền hình Việt Nam, Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam và các nhà đầu tư, đồng thời để đảm bảo tính công khai, minh bạch và mở rộng đối tượng các nhà đầu tư tham gia, nâng cao hiệu quả chuyển nhượng vốn, Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank đề xuất phương thức chuyển nhượng vốn của Đài Truyền hình Việt Nam tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam là **Phương thức đấu giá công khai thông thường**.

5.6. Tổ chức thực hiện bán đấu giá

Việc tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần của Đài Truyền hình Việt Nam Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam có thể lựa chọn Trung tâm dịch vụ, doanh nghiệp đấu giá tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản hoặc Sở giao dịch chứng khoán hoặc Công ty chứng khoán làm Tổ chức đấu giá.

Tổ chức đấu giá	Sở giao dịch chứng khoán	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản	Công ty chứng khoán, doanh nghiệp đấu giá tài sản
Ưu điểm	- Là đơn vị có nhiều năm kinh nghiệm và tổ chức bán đấu giá vốn cổ phần cho rất nhiều công ty, tập đoàn lớn như Tập đoàn Xăng dầu Việt	- Hệ thống phần mềm tổ chức đấu giá chuyên nghiệp	- Trình tự, thủ tục triển khai có thể nhanh chóng hơn so với trường hợp tổ chức đấu giá là trung tâm dịch vụ đấu giá tài

Tổ chức đấu giá	Sở giao dịch chứng khoán	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản	Công ty chứng khoán, doanh nghiệp đấu giá tài sản
	<p>Nam, Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư CTCP, Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn, Tổng Công ty Lương thực miền Nam – Công ty Cổ phần...</p> <p>- Thông qua hệ thống đại lý đấu giá là các công ty chứng khoán trên toàn quốc có thể tiếp cận được đến rất nhiều nhà đầu tư tham gia, tăng khả năng thành công cho đợt đấu giá</p> <p>- Hệ thống đại lý đấu giá của Sở giao dịch Chứng khoán cũng là nơi trực tiếp nhận đăng ký, đặt cọc, thông báo kết quả, nhận thanh toán tiền mua cổ phiếu và hoàn trả tiền đặt cọc cho nhà đầu tư, qua đó rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục tổ chức đấu giá và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư tham gia.</p> <p>- Là đơn vị có hiểu biết sâu rộng về thị trường chứng khoán và các sản phẩm tài chính, có thể đưa ra ý kiến chuyên môn về hồ sơ đấu giá để đảm bảo đáp ứng quy định về Luật chứng khoán, Luật doanh nghiệp....</p>		<p>sản và Sở giao dịch chứng khoán.</p> <p>- Công ty tiết kiệm được chi phí tổ chức bán đấu giá.</p>

PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN
CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM TẠI CTCP DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH – VIỆN THÔNG VIỆT NAM

Tổ chức đấu giá	Sở giao dịch chứng khoán	Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản	Công ty chứng khoán, doanh nghiệp đấu giá tài sản
	- Hệ thống phần mềm tổ chức đấu giá hiện đại, được đầu tư kỹ lưỡng.		
Nhược điểm	- Trình tự, thủ tục triển khai có thể lâu hơn so với trường hợp tổ chức đấu giá là Công ty chứng khoán. - Công ty sẽ mất thêm chi phí tổ chức thực hiện bán đấu giá	- Hệ thống đại lý đấu giá không đảm bảo phủ khắp toàn quốc. Mức độ tiếp cận đến các nhà đầu tư cũng như là độ hiệu quả và thuận tiện cho nhà đầu tư trong việc đăng ký, đặt cọc sẽ không cao so với trường hợp tổ chức đấu giá là Sở giao dịch chứng khoán. - Có thể không có nhiều kinh nghiệm tổ chức bán đấu giá phần vốn nhà nước. - Có thể không có hiểu biết sâu rộng về thị trường chứng khoán và các sản phẩm tài chính so với Công ty chứng khoán và Sở giao dịch chứng khoán.	- Hệ thống đại lý đấu giá không đảm bảo phủ khắp toàn quốc. Mức độ tiếp cận đến các nhà đầu tư cũng như là độ hiệu quả và thuận tiện cho nhà đầu tư trong việc đăng ký, đặt cọc sẽ không cao so với trường hợp tổ chức đấu giá là Sở giao dịch chứng khoán. - Hệ thống phần mềm tổ chức đấu giá có thể không hiện đại và được đầu tư kỹ lưỡng như ở trung tâm đấu giá tài sản và sở giao dịch chứng khoán.

Qua xem xét và đánh giá ưu, nhược điểm của việc lựa chọn tổ chức đấu giá, đồng thời căn cứ vào tình hình thực tế công tác triển khai chuyển nhượng vốn, Công ty Cổ phần Chứng khoán VietinBank đề xuất lựa chọn **Sở Giao dịch Chứng khoán** là Tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần của Đài Truyền hình Việt Nam tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viện thông Việt Nam.

5.7. Đối tượng tham gia mua cổ phần

Các nhà đầu tư tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Quy chế mẫu về bán đấu giá được ban hành theo Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/05/2021 của Bộ Tài chính.

5.8. Công bố thông tin về đợt chuyển nhượng vốn

Việc công bố thông tin về việc chào bán cổ phần của Đài Truyền hình Việt Nam đầu tư tại Công ty cổ phần Dịch vụ Truyền hình – Viễn thông Việt Nam được thực hiện trên 03 số báo liên tiếp của một (01) tờ báo phát hành trong toàn quốc, một (01) tờ báo địa phương nơi VTV có trụ sở chính và một (01) tờ báo địa phương nơi Công ty cổ phần Dịch vụ Truyền hình – Viễn thông Việt Nam có trụ sở chính tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày tổ chức bán đấu giá.

Các thông tin liên quan đến việc chào bán cổ phần cũng sẽ được đăng tải trên website của Sở Giao dịch Chứng khoán, tại trụ sở chính và website của Đài Truyền hình Việt Nam, Công ty cổ phần Dịch vụ Truyền hình – Viễn thông Việt Nam và Công ty Chứng khoán VietinBank.

5.9. Phương án xử lý số cổ phần không bán được và cuộc bán đấu giá công khai không thành công

Căn cứ Điểm đ và Điểm e, Khoản 3 Điều 38a Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 quy định về các trường hợp đấu giá công khai không thành công như sau:

“đ) Cuộc đấu giá công khai (đấu giá thông thường hoặc đấu giá theo lô) chuyển nhượng vốn nhà nước không thành công được xác định tương tự như trường hợp đấu giá không thành công khi chuyển nhượng vốn của doanh nghiệp nhà nước quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 29a Nghị định này.

e) Trường hợp đấu giá công khai không thành công hoặc thành công nhưng vẫn còn số lượng cổ phần cần bán để chuyển nhượng vốn nhà nước thì thực hiện chào bán cạnh tranh.”

Căn cứ Điểm đ Khoản 3 Điều 29a Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 quy định về các trường hợp đấu giá công khai không thành công như sau:

“đ) Đấu giá công khai (đấu giá thông thường hoặc đấu giá theo lô) không thành công:

Các trường hợp đấu giá công khai (đấu giá thông thường hoặc đấu giá theo lô) không thành công bao gồm: Khi hết thời hạn đăng ký mà không có nhà đầu tư nào đăng ký tham gia đấu giá hoặc chỉ có 01 nhà đầu tư đăng ký tham gia đấu giá; sau khi nộp tiền đặt cọc đến hết thời hạn nộp phiếu tham dự đấu giá không có nhà đầu tư nào nộp phiếu tham dự; không có nhà đầu tư nào trả giá tại cuộc đấu giá hoặc giá nhà đầu tư trả cao nhất mà vẫn thấp hơn giá khởi điểm; chỉ có một hoặc tất cả các nhà đầu tư trúng đấu giá nhưng từ chối không mua; tất cả các nhà đầu tư vi phạm quy chế đấu giá theo quy định của quy chế đấu giá.

Căn cứ Khoản 4 và Khoản 5 Điều 38a Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 quy định về trường hợp thực hiện theo phương thức chào bán cạnh tranh và phương thức thỏa thuận như sau:

“4. Phương thức chào bán cạnh tranh:

- Việc chuyển nhượng vốn nhà nước theo phương thức chào bán cạnh tranh thực hiện trong tư phương thức chào bán cạnh tranh chuyển nhượng vốn doanh nghiệp nhà nước quy định tại khoản 4 Điều 29a Nghị định này.

- Trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện phương thức thỏa thuận.

5. Phương thức thỏa thuận:

- Phương thức thỏa thuận là phương thức chuyển nhượng vốn nhà nước do cơ quan đại diện chủ sở hữu trực tiếp thỏa thuận với nhà đầu tư khi chào bán cạnh tranh không thành công và áp dụng trong trường hợp chỉ có 01 nhà đầu tư là đối tượng tham gia đã nộp hồ sơ hợp lệ và thực hiện đầy đủ các thủ tục tham dự phiên chào bán cạnh tranh theo quy định của quy chế phiên chào bán cạnh tranh.

- Giá bán thỏa thuận trên cơ sở giá được xác định theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 38 Nghị định này.”

Căn cứ Khoản 4 Điều 29a Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 đã được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 13 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 quy định về trường hợp thực hiện theo phương thức chào bán cạnh tranh và phương thức thỏa thuận như sau:

“4. Phương thức chào bán cạnh tranh:

- Chào bán cạnh tranh không thành công: Các trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công bao gồm các trường hợp như quy định đối với đấu giá công khai không thành công tại điểm đ khoản 3 Điều 29a Nghị định này.

- Trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện phương thức thỏa thuận.”

Căn cứ Khoản 6 Điều 38a Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 được sửa đổi, bổ sung tại Khoản 16 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 được sửa đổi, bổ sung tại Điểm d Khoản 19 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 của Chính phủ quy định:

“Sau khi đã thực hiện các phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận để chuyển nhượng vốn mà vẫn không chuyển nhượng hết số vốn nhà nước cần chuyển nhượng thì cơ quan đại diện chủ sở hữu cần căn cứ nhu cầu thị trường và khả năng phát triển của doanh nghiệp để lựa chọn thời điểm tiếp tục thực hiện chuyển nhượng vốn, đồng thời quyết định xác định lại mức giá khởi điểm đã công bố để chuyển nhượng vốn theo thứ tự thực hiện các phương thức chuyển nhượng vốn quy định tại Nghị định này.

Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu đang thực hiện chuyển nhượng vốn mà Chứng thư thẩm định giá hết hiệu lực thì không phải xây dựng lại phương án chuyển nhượng vốn nhưng phải thực hiện xác định lại giá khởi điểm để tiếp tục chuyển nhượng vốn theo phương thức chuyển

nhượng mà cơ quan đại diện chủ sở hữu đang triển khai (trường hợp đã tổ chức bán đấu giá công khai nhưng không thành công hoặc chưa bán hết số vốn nhà nước cần chuyển nhượng thì căn cứ vào giá khởi điểm đã được xác định lại để tổ chức chào bán cạnh tranh)."

Như vậy, căn cứ theo các quy định trên, trường hợp đấu giá công khai thông thường không thành công, Đài Truyền hình Việt Nam tiếp tục thực hiện chào bán cạnh tranh; trường hợp chào bán cạnh tranh không thành công thì thực hiện phương thức thỏa thuận theo quy định tại Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015, Nghị định 32/2018/NĐ-CP ngày 08/03/2018 và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020.

Sau khi đã thực hiện các phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh, thỏa thuận để chuyển nhượng vốn mà vẫn không chuyển nhượng hết toàn bộ số vốn cần chuyển nhượng, Công ty chứng khoán VietinBank đề xuất Đài Truyền hình Việt Nam báo cáo các cấp có thẩm quyền và xin ý kiến chỉ đạo thực hiện các bước tiếp theo.

5.10. Giá khởi điểm chuyển nhượng vốn

Căn cứ Chứng thư Thẩm định giá số 014/2025/0912.002.KT7 ngày 09/12/2025 do Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC ban hành, giá khởi điểm chuyển nhượng vốn là: **11.200 đồng/cổ phần.**

Việc sử dụng một mức giá khởi điểm để thực hiện chuyển nhượng vốn theo các phương thức quy định tại Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP phải đảm bảo nguyên tắc thời gian tối đa không quá 06 tháng kể từ thời điểm chứng thư thẩm định giá có hiệu lực đến ngày giao dịch cuối cùng (đối với trường hợp giao dịch trên sàn giao dịch chứng khoán); hoặc tính đến ngày công bố trúng giá chuyển nhượng vốn (đối với phương thức đấu giá công khai, chào bán cạnh tranh) hoặc tính đến ngày ký hợp đồng chuyển nhượng vốn (theo phương thức thỏa thuận).

5.11. Chi phí chuyển nhượng vốn

Trên cơ sở thực hiện Phương thức chào bán thông qua hình thức đấu giá công khai số cổ phần sở hữu của VTV tại VTV Broadcom, dự kiến chi phí chuyển nhượng vốn của VTV tại VTV Broadcom trong đợt chuyển nhượng vốn này gồm:

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
1	Chi phí thuê tư vấn thẩm định giá	99.000.000

**PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN
CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM TẠI CTCP DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH – VIÊN THÔNG VIỆT NAM**

STT	Nội dung	Giá trị (đồng)
3	Chi phí thuê tư vấn xây dựng phương án và thực hiện chuyển nhượng	99.000.000
4	Chi phí đăng báo công bố thông tin (dự kiến)	20.000.000
5	Chi phí tổ chức bán đấu giá tại Sở GDCK tạm tính theo giá chào bán thành công là giá khởi điểm (*)	150.000.000
TỔNG CỘNG		368.000.000

(*) Thông tư 101/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021 của Bộ Tài chính được thay thế bởi Thông tư 83/2024/TT-BTC ngày 26/11/2024 của Bộ tài chính. Theo đó SGDCK ra soát các dịch vụ, xây dựng phương án giá gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thẩm định, trình Bộ tài chính xem xét, ban hành văn bản định giá theo quy định tại Luật giá và các văn bản hướng dẫn Luật giá. Tại công văn số 617/BTC-UBCK v/v thu phí dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán ngày 16/01/2025 của Bộ Tài chính, Bộ Tài chính đề nghị các SGDCK và VSDC tiếp tục áp dụng theo mức giá dịch vụ hiện hành từ ngày 10/01/2025 cho đến khi Bộ tài chính ban hành văn bản định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các SGDCK và VSDC. Do đó, giá dịch vụ đấu giá là 0,15% trên tổng giá trị cổ phần, phần vốn góp, loại chứng khoán thực tế bán được, tối đa là 150 triệu đồng/1 cuộc bán đấu giá, chào bán cạnh tranh, định số và tối thiểu là 20 triệu đồng/1 cuộc bán đấu giá, chào bán cạnh tranh, định số (căn cứ vào Thông tư 101/2021/TT-BTC ngày 17/11/2021).

5.12. Dự kiến giá trị thu được khi chuyển nhượng vốn

Trên cơ sở thực hiện Phương thức chào bán thông qua hình thức đấu giá công khai số cổ phần sở hữu của VTV tại VTV Broadcom và tổng chi phí dự kiến nêu tại Mục 5.11, giá trị dự kiến thu được từ việc chuyển nhượng vốn như sau:

STT	Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)
(1)	Giá định chào bán thành công với giá bằng mức giá khởi điểm chào bán (*)	7.235.748.800
(2)	Tổng chi phí (đã gồm VAT) dự kiến	368.000.000
(3) = (1) - (2)	Số tiền dự kiến thu được từ việc chuyển nhượng vốn	6.867.748.800

(*) Mức giá chào bán thành công được giá định bằng giá khởi điểm chào bán (giá định bằng mức giá tạm tính như tại Mục 5.10). Mức giá thanh toán và số tiền thu về thực tế căn cứ trên kết

quá đầu giá vào ngày tổ chức đấu giá.

5.13. Thẩm quyền phê duyệt Phương án chuyển nhượng vốn

Theo quy định tại Khoản 15 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP sửa đổi Điều 38 Nghị định số 91/2015/NĐ-CP:

“Cơ quan đại diện chủ sở hữu căn cứ danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển nhượng đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định theo từng giai đoạn, chỉ đạo cơ quan chức năng lập phương án chuyển nhượng vốn báo cáo Cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định thực hiện chuyển nhượng vốn.

Cơ quan đại diện chủ sở hữu xây dựng lộ trình, quyết định phương án và tổ chức thực hiện chuyển nhượng vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên theo danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện chuyển nhượng đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định”.

Đài Truyền hình Việt Nam là cơ quan có thẩm quyền phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn của Đài Truyền hình Việt Nam đầu tư tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam.

6. Thời gian thực hiện

Thời gian thực hiện dự kiến trong Quý IV năm 2025 – Quý I năm 2026, đồng thời đảm bảo nguyên tắc thời gian tối đa không quá 06 tháng kể từ thời điểm chứng thư thẩm định giá có hiệu lực tính đến ngày công bố trúng giá chuyển nhượng vốn.

7. Lộ trình chuyển nhượng vốn

Căn cứ quyết định 1479/QĐ-TTg ngày 29 tháng 11 năm 2022 về phê duyệt “Phê duyệt Kế hoạch sắp xếp lại Doanh nghiệp nhà nước, Doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 - 2025”. Đài Truyền hình Việt Nam sẽ chuyển nhượng phần vốn tại CTCP Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam (chuyển nhượng 646.049 cổ phần, tương ứng 20,91% số lượng cổ phần của Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam). Tỷ lệ sở hữu của Đài Truyền hình Việt Nam tại Công ty Cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam sau khi chuyển nhượng là 0% vốn điều lệ của Công ty. Lộ trình chuyển nhượng vốn chi tiết như sau:

Dự kiến kế hoạch công việc thực hiện chuyển nhượng cổ phần

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến	Đơn vị thực hiện
1	PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH - VIỆN		

**PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN
CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM TẠI CTCP DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH - VIỆN THÔNG VIỆT NAM**

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến	Đơn vị thực hiện
THÔNG VIỆT NAM			
1	Đài Truyền hình Việt Nam phê duyệt phương án chuyển nhượng vốn và Bản công bố thông tin bán đấu giá tại Công ty cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam	T	VTV
II			
XÂY DỰNG HỒ SƠ ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN VÀ THỐNG NHẤT KẾ HOẠCH TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN			
1	Tập hợp thông tin và xây dựng hồ sơ công bố thông tin bán đấu giá cổ phần theo quy định	Từ T đến T+3	VBSE
2	Các bên thống nhất và ký ban hành hồ sơ bán đấu giá cổ phần	Từ T+3 đến T+5	VTV, VTV Broadcom (nếu có), VBSE
3	Nộp Hồ sơ đăng ký bán đấu giá cổ phần tại Sở Giao dịch Chứng khoán (SGDCK)	T+6	VBSE
4	Sở Giao dịch Chứng khoán xem xét, duyệt hồ sơ bán đấu giá cổ phần	Từ T+6 đến T+18	SGDCK
5	Chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ bán đấu giá theo yêu cầu của SGDCK (nếu có)	Từ T+6 đến T+18	VBSE, VTV
6	Hợp giữa các bên thống nhất thời gian và kế hoạch tổ chức bán đấu giá cổ phần; ký hợp đồng tổ chức bán đấu giá với Sở Giao dịch Chứng khoán	Từ T+19 đến T+20	SGDCK, VTV, VBSE, VTV Broadcom (nếu có)
7	Sở Giao dịch Chứng khoán thông báo lựa chọn đại lý đấu giá	T+21	SGDCK
8	Sở Giao dịch Chứng khoán ban hành Quy chế bán đấu giá cổ phần	T+22	SGDCK
III			
THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ TỔ CHỨC BÁN ĐẤU GIÁ CỔ PHẦN			
1	Sở Giao dịch Chứng khoán đăng website	T+22	SGDCK

PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN
CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM TẠI CTCP DỊCH VỤ TƯ VẤN HÌNH - VIỆN THÔNG VIỆT NAM

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến	Đơn vị thực hiện
	SGDCK các hồ sơ, tài liệu liên quan đến cuộc bán đấu giá		
2	Công bố thông tin trên ba số báo liên tiếp của một (01) tờ báo phát hành trong toàn quốc, một (01) tờ báo địa phương nơi VTV có trụ sở chính và một (01) tờ báo địa phương nơi VTV Broadcom có trụ sở chính (Tối thiểu 20 ngày trước ngày tổ chức bán đấu giá)	T + 22	VBSE
3	Nhận hồ sơ đăng ký đấu giá và tiền đặt cọc của các Nhà đầu tư quan tâm	T+23 đến T+33	Đại lý đấu giá và VBSE
4	Công bố kết quả đăng ký mua cổ phần của Nhà đầu tư	T+35	SGDCK
5	Nhận phiếu tham dự đấu giá của các nhà đầu tư đăng ký hợp lệ	Đến T+37	Đại lý đấu giá, VBSE
6	Quyết định thành lập Hội đồng đấu giá, trong đó Chủ tịch Hội đồng bán đấu giá là đại diện Chủ sở hữu vốn	T+38	SGDCK
7	- Tổ chức phiên bán đấu giá cổ phần: Địa điểm: Sở Giao dịch Chứng khoán - Lập và ký Biên bản xác định kết quả đấu giá cổ phần. - Công bố thông tin kết quả bán đấu giá cổ phần	T+39	SGDCK, VTV, VBSE
8	Nhà đầu tư trúng đấu giá nộp tiền thanh toán mua cổ phần (Không quá 07 ngày kể từ ngày công bố kết quả bán đấu giá cổ phần)	Từ T+40 đến T+42	SGDCK
9	Hoàn trả tiền đặt cọc cho Nhà đầu tư tham dự đấu giá hợp lệ nhưng không trúng đấu giá	Từ T+40 đến T+42	SGDCK

**PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN
CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM TẠI CTCP DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH – VIỄN THÔNG VIỆT NAM**

STT	Nội dung	Thời gian dự kiến	Đơn vị thực hiện
	<i>(Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá)</i>		
10	Sở Giao dịch Chứng khoán chuyển số tiền thu được từ bán cổ phần về tài khoản của Đài Truyền hình Việt Nam <i>(Trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày hết hạn thanh toán tiền mua cổ phần)</i>	Dự kiến T+43	SGDCK
IV	TƯ VẤN THỰC HIỆN CHUYỂN QUYỀN SỞ HỮU CỔ PHẦN SAU ĐẤU GIÁ		
1	Tư vấn lập hồ sơ và thực hiện các thủ tục để chuyển quyền sở hữu cổ phần sau đấu giá	T+43	VBSE
2	Hoàn thành tư vấn báo cáo kết quả chuyển nhượng vốn gửi VTV	T+47	VBSE
V	BÁO CÁO KẾT QUẢ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN		
1	Báo cáo kết quả đấu giá cổ phần chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu, Bộ Tài chính (Cục Tài chính doanh nghiệp)	T+49	VTV

Ghi chú:

- Phần đơn vị thời gian là ngày làm việc.
- Lộ trình, kế hoạch thực hiện các công việc nêu trên chỉ mang tính chất dự kiến dựa trên những quy định của pháp luật, trên cơ sở đầy đủ tài liệu theo các quy định hiện hành và những đặc thù về chuyên môn nghiệp vụ.
- Thời gian dự kiến tùy thuộc vào tình hình thực tế triển khai, không bao hàm những trở ngại khách quan trong quá trình thẩm định, xét duyệt từ cấp có thẩm quyền (nếu có), hoặc những vấn đề khác phát sinh ngoài phạm vi, thẩm quyền quyết định giữa Các Bên, dẫn đến kế hoạch thực hiện có thể thay đổi so với dự kiến ban đầu.
- Trình tự các nội dung thực hiện chỉ mang tính tương đối và có thể tiến hành đồng thời nhiều nội dung cùng một lúc để sớm hoàn thành kế hoạch tối ưu.

IV. KHUYẾN CÁO CỦA ĐƠN VỊ TƯ VẤN

Phương án Chuyển nhượng vốn của Đài Truyền hình Việt Nam tại Công ty cổ phần Dịch vụ

Truyền hình - Viễn thông Việt Nam do Công ty cổ phần Chứng khoán VietinBank lập nhằm mục đích để Đài Truyền hình Việt Nam thực hiện việc chuyển nhượng vốn đầu tư của Đài Truyền hình Việt Nam tại Công ty cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam.

Nội dung của Phương án này là đưa ra các nhận định, đánh giá độc lập và khuyến nghị để thực hiện Giao dịch chuyển nhượng vốn dựa trên các tài liệu và thông tin trao đổi về nhu cầu của Đài Truyền hình Việt Nam và các nguồn thông tin công khai và hợp pháp. Các số liệu tài chính, thông tin về hoạt động kinh doanh nêu trong Phương án này được trích dẫn từ các báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi công ty kiểm toán độc lập, báo cáo nội bộ và thông tin do Công ty cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam cung cấp. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Phương án chuyển nhượng vốn này đã được thực hiện một cách hợp lý và cân trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam cung cấp. Công ty cổ phần Chứng khoán VietinBank được hoàn toàn miễn trách nhiệm trong trường hợp Công ty cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam cung cấp thông tin không chính xác và không trung thực.

Ngoài việc sử dụng cho mục đích của Giao dịch chuyển nhượng vốn của Đài Truyền hình Việt Nam tại Công ty cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam, Công ty cổ phần Chứng khoán VietinBank không cho phép việc sử dụng, và mọi sự in ấn, sao chép hay xuất bản Phương án này vì bất kỳ mục đích gì mà không có sự chấp thuận của Công ty cổ phần Chứng khoán VietinBank.

V. KẾT LUẬN

Việc chuyển nhượng vốn của Đài Truyền hình Việt Nam tại Công ty cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam là phù hợp với Quyết định phê duyệt kế hoạch sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước giai đoạn 2022 – 2025. Sau khi hoàn thành việc chuyển nhượng vốn, Đài Truyền hình Việt Nam sẽ báo cáo cơ quan có thẩm quyền kết quả chuyển nhượng vốn đầu tư ra ngoài của Đài Truyền hình Việt Nam tại Công ty cổ phần Dịch vụ Truyền hình - Viễn thông Việt Nam theo quy định.

PHƯƠNG ÁN CHUYỂN NHƯỢNG VỐN
CỦA ĐÀI TRUYỀN HÌNH VIỆT NAM TẠI CTCP DỊCH VỤ TRUYỀN HÌNH – VIÊN THÔNG VIỆT NAM

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN VIETINBANK
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Ngọc Hiệp